

Bài 177. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Chư Thiên-Devatāvaggo (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 9/6/19

Hôm nay chúng ta học bài Kinh số 70. Nội dung bài kinh chỉ có một câu thế này:

“Không có thiên định thì không có Lục thông”.

Có hai nhóm người: nhóm một là tò mò, không biết Lục thông là cái gì. Nhóm hai là thắc mắc: mình tu là giải thoát phiền não, giải thoát sanh tử, tại sao phải có Lục thông làm chi? Bởi trong Lục thông, chỉ có thông thứ sáu là lậu tận thông mới thực sự cần thiết cho lộ trình giác ngộ, cứu cánh lý tưởng giác ngộ, chớ mắc gì phải học năm cái thông trước?

Xin thưa, nó như thế này. Tôi ví dụ ở ngoài đời, mình có con thì cái mình mong là con có bằng bác sĩ, có bằng đại học. Nhưng khi nó có bằng đại học thì tự nhiên nó kéo theo rất nhiều chuyện. Như khi có bằng đại học thì ngoài kiến thức chuyên môn trong mấy năm đại học, nó còn có khả năng kiếm tiền tốt hơn người không có bằng đại học. Mình phải nhìn nhận chuyện đó. Còn mục đích của mình là muốn con tốt nghiệp bốn năm đại học, sáu năm đại học, hoặc có bằng bác sĩ mười mấy năm.

Nhưng bây giờ trước mắt, ngoài kiến thức chuyên môn ra, nó có được vô số những thứ khác. Thí dụ như có khả năng kiếm tiền, khả năng hội nhập xã hội tốt hơn. Nếu nó không học đại học, bạn bè của nó rất hạn chế. Nó có những loại bạn chơi không được. Nhưng khi nó có bốn năm đại học rồi thì ngoài chuyện nó có kiến thức chuyên môn, ngoài chuyện có khả năng kiếm tiền, thì nó có khả năng hội nhập xã hội tốt hơn. Ngõ ngách nào, bậc thang nào nó cũng leo lên được.

Và một cái nữa mình không thường nhắc tới, nhưng đó là sự thật. Đó là khả năng kiếm bạn nó tốt hơn. Nếu nó không có bằng đại học thì số bạn của nó rất hạn chế. Nó chỉ chơi được ở tầng lớp nhất định nào đó. Nhưng khi nó có bốn năm đại học, nó chơi

với người không biết chữ cũng được, chơi với người đại học cũng được, chơi với bác sĩ, kỹ sư bình thường.

Ở đây cũng vậy. Cứu cánh của chuyện tu hành là chấm dứt phiền não, chấm dứt sanh tử, nhưng rất nhiều trường hợp chúng ta thấy Đức Thế Tôn ngài nhắc tới Lục thông.

Lục thông là gì?

Đầu tiên là thiên nhãn thông, hai kiểu thiên nhãn.

1. Thiên nhãn thông

Thiên nhãn thông một là khả năng mắt thần thấy được cái nhỏ nhất và xa nhất mà mắt thường không thấy được.

Thiên nhãn thông hai là khả năng thấy biết nhân duyên thiện ác nào đã tạo nên các cảnh giới, các thân phận chúng sanh.

2. Thiên nhĩ thông

Là khả năng nghe được những âm thanh mà thính giác bình thường nghe không nổi. Thí dụ âm thanh quá xa hoặc âm thanh phát ra từ tần số quá thấp, hạ âm.

Trong thế giới động vật, tính luôn con người, thì ở nhiều loài động vật nó không có thính giác. Có những loài thính giác rất yếu, hoặc có những loài thính giác rất nhạy. Thần thông còn ghê hơn đó nữa. Thần thông còn nghe được ở những khoảng cách xa như mình muốn. Khoảng cách đó không còn giới hạn bởi thước đo vật lý bình thường, như là ngàn cây số, 3.000 cây số, 1.000 năm ánh sáng, 2.000 năm ánh sáng. Chuyện đó không quan trọng, mà vấn đề là họ muốn nghe thì họ nghe được.

Thí dụ họ ngồi đây, họ muốn nghe âm thanh chư thiên cõi Đao Lợi nói cái gì thì họ nghe được. Đó là thiên nhĩ thông.

3. Tha tâm thông

Tha tâm thông là vị này có thể đọc hiểu tâm người khác. Tùy chỗ mà Lục thông Ngài kể khác nhau. Có chỗ Ngài kể Ý hóa thông (...), có nghĩa là vị này có thể một mình mình mà biến ra nhiều người giống như mình. Và nhiều người mình có thể biến thành một, một biến thành nhiều.

Vị này có khả năng đọc hiểu được tâm người. Biết người trước mặt mình đang nghĩ cái gì, tâm đó là tâm thiện hay tâm ác, mình biết.

4. Túc mạng thông

Vị đó có khả năng nhớ được nhiều đời quá khứ, mà tôi vẫn nói là quả sanh tử đó. Vị này nhớ được đời xưa kiếp trước của mình và của người khác. Quý vị sẽ hỏi người khác là người nào. Người khác là cái người mình muốn tìm hiểu. Thì mình chỉ liếc nhìn người đó, mình biết cách đây 50 kiếp, 80 kiếp, 1.000 kiếp, người đó ở đâu, làm gì, hình dáng, sinh hoạt, tuổi thọ, sở thích ra sao, mình biết.

Mình nhìn lại mình, quán chiếu, giống như mình nghĩ lại chuyện hôm qua, nghĩ về cái chuyện của một người mà mình đã quen biết từ lâu ngày. Thí dụ như bây giờ tôi liếc nhìn ông cậu Tám của tôi. Tôi vừa nhìn là tôi biết liền. Tôi biết ông cậu Tám là con của bà ngoại tôi. Cậu Tám hồi nhỏ bị cái gì. Cậu Tám lớn lên đi lính, rồi cậu Tám bị thương, cậu Tám xuất ngũ, cậu Tám về lấy vợ, cậu Tám buôn bán gì đó. Rồi sau đó cậu Tám đi đâu làm gì, có bao nhiêu người con, thành bại, vinh nhục ra sao, tôi đều nhớ hết.

Thì ở đây Túc mạng thông nó giống vậy đó. Mình nhìn mình, mình muốn biết cách đây 5 kiếp, một kiếp ra sao cũng được. Giống như mình nhớ lại chuyện cũ của bản thân, hoặc là mình quán chiếu chuyện của người khác cũng dễ dàng như tôi nhớ khi nhìn cậu Tám của tôi vậy. Nhưng cái đó không có ghê, qua tới thiên nhãn hai mới ghê.

5. Sanh tử thông

Thiên nhân hai cũng có tên Sanh tử mình (...). Túc mạng thông là chỉ nhớ cái quả luân hồi thôi, nhớ người ta sanh ra ở đâu, hình dáng, tuổi thọ, sở thích, sinh hoạt thế nào. Còn cái Sanh tử thông, hoặc gọi là Thiên nhân thông hai, là người ta có thể biết trước vì đâu mà 300 kiếp trước ông này ổng làm vua. Vì đâu mà 292 kiếp trước ông này ổng làm ăn mày, ổng làm con chó, con mèo, con heo, con giun, con gián, con dế, con ruồi; biết cái nghiệp nào.

Tất cả những cái đó không phải là cứu cánh giải thoát, cứu cánh tu hành. Mà thần thông thứ sáu mới là cứu cánh tu hành.

6. Thần thông thứ sáu: Lậu tận thông, Lậu tận minh

Thần thông thứ sáu chính là khả năng chán sợ sanh tử một cách rất ráo, thấy ra mọi thứ chỉ là do duyên mà có, có rồi cũng do duyên mà mất. Mọi thứ luôn trong tình trạng vô ngã, vô thường. Vô thường là không có cái gì đứng yên còn hoài không mất. Còn vô ngã là biết rõ không có một cá thể, không có cái gì độc lập mà có thể tồn tại. Biết tất cả chỉ là đồ ráp.

Vô ngã không phải là nobody mà là nothing. Nhớ nhe, tôi nhắc đi nhắc lại, vô ngã không phải là không có gì, mà là không có ai. Ông A, bà B chỉ là một khối tổng hợp của nhiều thứ nhân duyên mà mình có thể gom gọn lại, đó là thiện - ác, buồn - vui. Chỉ có nhiều đó thôi.

Với khả năng thấu suốt tinh tường rất ráo như vậy, vị này chán sợ sanh tử ở mức tuyệt đối. Ở cấp thấp nhất vị

Này chứng được Tu-đà-hườn, lên nữa là Tư-đà-hàm, rồi A-na-hàm, A-la-hán. Lậu tận thông là chỉ cho quả vị La-hán. Ở tầng này thì một vị La-hán, một vị Thánh chứng quả hoàn toàn không còn tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi. Ở các tầng Thánh thấp tuy không còn khả năng đọa lạc nhưng vẫn còn thích thú trong thiên, và có thể sanh vào các cảnh giới Phạm thiên. Nhưng riêng tầng La-hán thì không. Ở tầng này, không còn gì để các ngài thích, dù về vật chất hay tinh thần. Cho nên vị này khi dứt hơi mệnh

chung rồi thì không còn tái sinh nữa. Trình độ là bỏ phiền não một cách rất ráo, tuyệt đối như vậy gọi là Lậu tận minh hay Lậu tận thông.

Toàn bộ các khả năng chúng tôi vừa nói, theo như trong Kinh này, các khả năng ấy chỉ có ở một người có thiền định thôi. Cái này phải ghi.

“Năm khả năng đầu của Lục thông có thể có ở phàm phu đặc thiền định. Nhưng riêng khả năng thứ sáu chỉ có ở Thánh nhân, kể cả Thánh nhân không đặc thiền định.

Lục thông nói hết thì phải có thiền định, nhưng cái thông thứ sáu thì không nhất thiết. Thông thứ sáu này có thể có ở bậc Thánh không có thiền định. Có nghĩa là vị này chưa từng đắc sơ, nhị, tam, tứ thiền. Nhưng trong giây phút chứng Thánh, vị nào cũng phải có khả năng tập trung tư tưởng tương đương với tầng sơ thiền.”

Sẵn tôi nói luôn, học Kinh Tạng trong room này là có người nắm tay mình bước vào thế giới Kinh Tạng. Mình học cho biết chớ mình không phải để trở thành học giả có bằng cấp. Tuy nhiên, nếu có lòng học nghiêm túc thì ở mỗi bài Kinh nên ghi note để làm của riêng, nhe. Chưa kể mình còn sưu khảo, tầm nguyên truy ngọn, truy gốc, tìm hiểu thêm trên internet nữa. Làm sao mà mình trải qua được một năm, hai năm, ba năm, tám năm, mười năm học Kinh Tạng với note ghi chú của từng bài; thì tôi nghĩ trong năm năm, bảy năm, mười năm đó các vị sẽ khác đi nhiều lắm. Những cái này không ghi nó uống, nhe! Coi như có người đọc sách dùm mình mà.

Nhớ, trong Lục thông thì năm thông đầu tiên bắt buộc phải có đặc chứng thiền định. Riêng thông thứ sáu, trong trường hợp mình chỉ tu Tuệ quán không đặc thiền thì vẫn đắc được thông thứ sáu. Còn trong trường hợp Đức Phật ngài gom chung Lục thông lại với nhau thành một thì lúc đó bắt buộc chúng ta phải có tu tập thiền định.

Giờ tôi quay lại. Tại sao cứu cánh cao nhất của đạo nghiệp tu hành là thông thứ sáu, tức là Lậu tận thông hay là Lậu tận minh, mà tại sao phải nhắc chi năm thông đầu tiên? Hồi nãy tôi nói rồi, đó là phụ thu hay là thứ phẩm của người tu tập viên mãn

Tam học. Có nghĩa là dầu muốn dầu không thì đương nhiên, ngẫu nhiên, mặc nhiên, cố nhiên, dĩ nhiên, tự nhiên là họ có được năm khả năng đó. Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai, khi nhắc tới ngũ thông, năm khả năng đó, ta nhắc tới một bài học rất lớn mà không ai nói chúng ta không để ý. Là gì? Chỗ này tôi nói thiệt chậm nghe.

Khi Đức Phật nhắc tới thần thông thì mình đừng có nghĩ là Ngài kêu gọi mình trau dồi phù phép biến hiện cho thỏa sức rong chơi, cho thỏa sức tò mò mà xưa giờ mình muốn mà không được. Không phải! Mà khi Ngài nhắc đến Lục thông, nói đến năm thông đầu tiên, là Ngài mở ra cho mình vấn đề thế này:

“Khi tâm tư ta còn chìm sâu trong năm dục nói riêng và trong phiền não nói chung, thì khả năng quan sát thế giới của ta luôn có vấn đề, luôn có những hạn chế nhất định.”

Đó, bài học sâu là sâu chỗ đó. Khi Ngài nói đến các khả năng thần thông, không phải Ngài kêu gọi, khuyến khích mình trau dồi cái phù phép. Không phải! Nhưng Ngài muốn cho mình thấy rằng:

“Khi con muốn đạt đến trình độ tâm linh mà lìa bỏ được năm dục thì cái cách mà con nhìn thấy thế giới này nó khác đi nhiều lắm, kể cả trường hợp khi đó con chưa kịp làm một vị Thánh. Chưa kịp làm một vị Thánh mà khả năng con lai vãng, lui tới thế giới này, khả năng con quan sát, thấy, nghe thế giới này nó cũng khác đi, nó không giống như ngày xưa. Ngày xưa, khi con còn hưởng dục, khi con còn thích, còn ghét, còn đam mê, còn bất mãn, thì mọi thứ nghe, nghĩ, nhìn thấy của con nó còn bị giới hạn trong cái nhà ngục của năm thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thịt da, xương tủy thường của người bình thường. Nhưng hôm nay, khi con có thiên định, con có khả năng thần thông thì con thấy thế giới này có nhiều cách nhìn lắm.”

Sâu sắc là chỗ đó. Thế giới này có nhiều cách để chúng ta nhìn nó. Chúng ta có nhiều cách để đến với thế giới này. Xưa giờ mình chỉ có khả năng lấy mắt thịt mình nhìn. Nhưng giờ mình có ống dòm, có viễn vọng kính, có kính hiển vi, mình có binocular,

có microscope, có telescope, có ba bốn thứ, thì các vị phải đồng ý với tôi: trong suy nghĩ, một người có học hóa chất, có học về vật lý và có các phương tiện công nghệ hiện đại thì thế giới của người đó nó sẽ khác thế giới của người bình thường. Còn thế giới của người đã vừa dốt vừa không có phương tiện nghe nhìn thì thế giới của họ chật lắm.

Nói vậy trong room có hiểu không ta? Có nghĩa là thế giới của cái người vừa dốt vừa không có phương tiện, công cụ thì nó chật dữ lắm! Thí dụ, giờ các vị đi chơi mà không có ống dòm thì thua rồi. Có những chỗ mình không thể đặt chân đến mà có thể nhìn từ xa. Nếu lúc đó mình có ống dòm thì tình hình nó khác. Mà có tới ngàn lẻ một loại ống dòm, loại đắt tiền, loại rẻ tiền. Loại đắt tiền cho phép mình nhìn xa, nhìn rõ; còn loại rẻ tiền chỉ cho mình nhìn gần, nhìn mờ, không rõ. Rõ ràng là trong cuộc đi chơi dã ngoại mà ai có nhiều phương tiện đi đứng, phương tiện nghe nhìn thì vẫn tốt hơn người trụi lủi chỉ có hai bàn chân và cặp mắt thịt.

Đó là trong một cuộc chơi của phàm phu chỉ có vài giờ đồng hồ thôi mà mình thấy rằng ai có nhiều phương tiện, người đó vẫn tốt hơn. Cuộc chơi vẫn trọn vẹn hơn, đầy đủ, viên mãn hơn.

Ở đây cũng vậy. Cứu cánh tu hành của chúng ta là Lậu tận thông, Lậu tận minh, là chấm dứt phiền não, là kết thúc tái sanh. Tuy nhiên, khi một người có tu tập thiền định thì tình hình lại khác. Bên cạnh khả năng chấm dứt phiền não, vị ấy có được khả năng nghe nhìn và lui tới, làm việc và hoạt động trong thế giới này tốt hơn gấp tỷ lần một người không có thần thông.

Trong Kinh Chánh Tạng có nói: lợi ích của người nghe nhiều giáo pháp là mai này đi về trời dễ dàng được nhắc nhở tu hành hơn là người ít nghe Pháp hoặc là không nghe Pháp.

Chỉ có bố thí mà không nghe Pháp, sau này vẫn có thể về trời.

Chỉ có giữ giới không thì cũng có thể về trời. Nhưng về trên đó mình tiếp tục sống với cái đầu bơ bơ của mình. Mà một người đã từng nghe nhiều giáo pháp, thông thuộc nhiều giáo lý thì mai này, ở cảnh giới nào đi nữa, mình cũng dễ dàng được sự nhắc nhở từ những thầy bạn.

Trong Kinh có ghi rõ, bài Kinh này mình học rồi mà không biết trong room có ai nhớ không. Kinh ghi thế này:

“Khi mang thân chư thiên thì chúng ta sẽ nhớ lại mình đã học cái gì, và đặc biệt là chúng ta sẽ biết rõ những chỗ nào mà mình đã học sai. Nhớ lại hồi đó ở cõi người mình đã học thuộc lòng Trường Bộ Kinh, và trong suốt nhiều năm chỗ đó mình đọc sai, mà khi tiếp tục mang thân người thì mình cảm đầu đọc hoài chỗ sai mà mình không biết. Nhưng khi về trời, với khả năng thần thông của một vị trời thì chúng ta sẽ biết: ‘Ồ, chỗ đó là chỗ sai đó’.”

Chưa kể là chúng ta có vô số thầy bạn chung quanh mình có thể nhắc nhở mình, giải thích cho mình nghe nữa.

Nói vậy có nghĩa là sống trong cuộc sanh tử trầm luân này, chúng ta càng có nhiều phương tiện để sống, càng có nhiều phương tiện, điều kiện để làm việc thì nó vẫn tốt hơn là mọi thứ trong cái tầm hạn chế.

Bài Kinh này sâu là sâu chỗ đó đó. Chứ chuyện thần thông thì chẳng là gì trong mắt các bậc hiền thánh hết. Nhưng khi các Ngài nhắc đến là các Ngài đã kín đáo, lặng lẽ nhắc tới những bài học khác như tôi vừa nói.

Thứ nhất là thần thông là khả năng đương nhiên của một người đã tu tới nơi tới chốn các tầng thiên định. Dù muốn dù không, tự nhiên nó vẫn trào lên, vẫn trôi ra.

Thứ hai là khi Ngài nhắc đến thần thông là Ngài cho mình biết một chuyện vô cùng quan trọng, đó là:

“Cái thế giới này nó ra sao trong mắt của con, nó còn tùy thuộc vào nền tảng tâm thức của con. Nó tùy thuộc vào nhân cách, vào trình độ, vào nền tảng tâm tư tình thần, phước báo tiền duyên của con. Nếu nói vậy, ngay bây giờ con phải tận dụng thời gian, tận dụng cơ hội để thực hiện các hạnh lành như có thể. Thiên định được thì định. Niệm được thì niệm. Tuệ được thì tuệ, đầu là Văn, Tư, Tu, có cơ hội không bỏ. Có cơ hội bố thí thì nên bố thí. Có cơ hội hành thiện thì nên hành thiện. Có cơ hội phục vụ thì nên phục vụ.

Vì sao?

Vì tất cả những vốn liếng ấy nó sẽ là nền tảng tâm thức cho con sau này. Con tu thiền cũng dễ đắc thiền. Con gặp Phật, con nghe Pháp cũng dễ giác ngộ.”

Một người dễ đắc thiền, dễ giác ngộ thì trước là lợi mình, sau là lợi người. Những vị La-hán lợi căn thì giúp được cho bản thân mình tu đỡ cực, mà đồng thời còn giúp cho được rất nhiều người khác.

Thí dụ mình thấy ngài A Nan, ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, đó là những vị La-hán lợi căn. Nghĩa là đủ duyên chứng Thánh, đồng thời cũng là người có tư chất minh triết hơn người bình thường.

Có vô số những vị La-hán chỉ vừa đủ cái trí tuệ giác ngộ do sự hỗ trợ của ba-la-mật. Hiểu được Bốn Đế rồi thôi, về núi ở một mình, chớ còn yêu cầu, năn nỉ, đề nghị các ngài thuyết Pháp thì đối với các ngài không có tiện. Các ngài không được thoải mái trong ngôn từ, trong cách diễn đạt. Có trường hợp đó. Đó là những vị độn căn, chứng Thánh mà độn căn.

Còn những vị lợi căn, lợi là bén, thì giúp được cho nhiều người lắm. Cho nên, tùy thuộc vào hành trang, tùy thuộc vào cái chuẩn bị, trang bị của chúng ta mà chúng ta sống trong đời này nó dễ hay nó khó cho bản thân mình. Và đồng thời, tùy thuộc vào vốn liếng, hành trang, trang bị của mình mà chúng ta giúp được người khác nhiều hay ít.

Nói vậy có nghĩa là sự huân tu các hạnh lành luôn luôn là điều cần thiết. Trước là lợi mình, sau là lợi người. Hễ mình trí tuệ nhiều, phước bố thí nhiều, phước giữ giới, phước từ tâm, chánh niệm, thiền định nhiều, thì đời sau sanh ra, trước là bản thân mình tu tập tròn tru, mau chóng, dễ dàng; bên cạnh đó, mình cũng giúp được nhiều người khác.

Thí dụ như Miến Điện, các vị chân tu, các vị giới giang, tinh thông Kinh điển nhiều lắm chứ không phải ít, đếm không xuể. Nhưng cái vị mà hội đủ các điều kiện để tự tu học và hỗ trợ người khác tu học thì mình thấy cũng đếm được, chứ không nhiều lắm.

Trên đất Miến Điện, mấy trăm ngàn vị sư thì có được bao nhiêu vị Sitagu Sayadaw, có bao nhiêu vị được như Pa Auk Sayadaw, có bao nhiêu vị được như vị Shwe Oo Min Sayadaw, Tejaniya Sayadaw, được bao nhiêu vị Jotika Sayadaw chẳng hạn.

Ngài Jotika tuy không có thiền viện, học viện, nhưng Ngài có khả năng sinh ngữ, Ngài có khả năng Tây học. Khi Ngài tiếp cận dân Âu Mỹ hay dân trí thức Miến Điện thì Ngài có đủ đồ nghề để làm việc với họ.

Cho nên khả năng tự tu là luôn luôn cần thiết, nhưng phải thêm khả năng lợi tha nữa. Chớ còn chỉ có khả năng tự tu thì quá tốt, có một điều nó chưa được viên mãn.

Vì sao?

Vì tôi nói không biết bao nhiêu lần, cái giá trị của mỗi con người nằm ở hai phần.

Phần một là giá trị tự có ở bản thân mình là ai trong cuộc đời này.

Giá trị thứ hai của một con người là khả năng hy hiến. Anh có thể đóng góp được bao nhiêu thứ cho cuộc đời. Anh là một viên ngọc. Đúng là tự thân anh phải có giá trị rồi đó, anh đã có đủ lý do để tồn tại trên đời này. Nhưng nếu viên ngọc ấy nó chìm sâu trong đáy núi, trong bờ cát, trong lòng sông, trong đáy biển thì cũng hơi tiếc.

Nhe! Bài Kinh này sâu là sâu như vậy đó.

BÀI KINH 71: CHỨNG NHÂN

Bài Kinh này gồm có sáu phần.

Ở đây, các vị tỳ-kheo không có cách chi, không có tài nào thành tựu các đạo nghiệp nếu không có khả năng thành tựu sáu cái này.

1. Biết rõ những gì ta đang sống cùng, ta đang hoạt động. Những cái đó có thể dẫn mình đi xuống, thụt lùi hay không.
2. Biết rõ cái gì có thể khiến mình giậm chân tại chỗ.
3. Biết rõ cái gì hay cách nào để biết mình luôn lên cao hay tiến xa về phía trước.
4. Biết rõ làm cách nào để mọi đạo nghiệp có thể trở thành đạo giải thoát.

Cái phần thể nhập đó, phần này hơi khó. Bữa hôm, cách đây hai ba ngày, tôi có giảng chỗ này. Đức Thế Tôn Ngài dạy rằng có một sự khác biệt rất lớn giữa người biết được Phật pháp và không biết Phật pháp.

Người không biết Phật pháp, một là họ sống trong cái bất thiện. Hai nữa là khi họ biết hành thiện thì họ chìm sâu trong cái thiện đó, không ngoi lên khỏi cái thiện đó được. Trong room thế nào cũng có người thắc mắc: “Ừa, cái thiện là số một rồi, tại sao phải ngoi ra?”

Dạ thưa, nó như thế này. Chúng sanh có ba hạng:

Hạng một, không biết thiện ác là gì hết.

Chỉ biết chạy theo cái thích và trốn chạy cái ghét thôi.

Hạng thứ hai: biết làm lành lánh dữ, nhưng họ lại thỏa mãn, tâm đắc với cái đạo hạnh của mình. Họ lại tâm đắc, thỏa mãn với quả báo nhân thiên.

Chỉ có hạng thứ ba: họ chán cái ác đã đành, mà đối với cái thiện họ cũng biết rằng đây là cái nhân sanh tử. Bởi cái thiện có hai loại. Một là cái thiện chỉ nhằm đến quả báo nhân thiên. Còn cái thiện thứ hai là nhằm tới quả vị giác ngộ.

Thì hạng thứ ba này là nhằm tới tinh thần đó. Tức là họ chỉ làm thiện, lánh ác để nhằm tới cứu cánh là không còn thiện ác nữa. Cái đó nó mới khó.

Thì đa phần chúng sanh trong đời này chỉ có hai hạng thôi. Một là chìm sâu trong tội lỗi, ác nghiệp, sống thuần túy bản năng như loài súc vật, động vật hạ cấp. Loại thứ hai khá hơn một chút là biết làm lành lánh dữ, nhưng cũng chỉ quẩn quanh trong các cảnh giới nhân thiên.

Biết cái gì dự phần thể nhập

Cái ở đây mình đang học, cái điều thứ tư này nè, biết cái gì dự phần thể nhập là vậy đó. Tức là biết làm sao mà dầu mình có bố thí, trì giới, có phục vụ, có nghe Pháp, có tu Chi, có tu Quán gì đi nữa, thì phải biến tất cả đạo nghiệp đó trở thành cái xúc tác và dẫn đến giác ngộ. Chớ còn không thì đặc Sơ thiền kẹt cứng trong Sơ thiền, đặc Nhị thiền kẹt cứng trong Nhị thiền, có thần thông kẹt cứng trong thần thông, là chết.

Đọc kỹ bài kinh “Ví dụ lỗi cây” trong Trung Bộ, trong đó Ngài dạy có kiểu người đi tìm lỗi cây, mà gặp hoa, cành, lá đẹp quá là quên mất mục đích đi tìm lỗi cây.

Cũng vậy, có những người đến với đạo giải thoát, buổi đầu cũng có tâm lý, có lý tưởng ngon lành. Nhưng về lâu về dài, được chút danh, được chút lợi, quên sạch lý tưởng ban đầu. Có người cũng theo đuổi lý tưởng giải thoát, nhưng có được chút đỉnh kiến thức Phật Pháp, một miếng thiền định, một miếng thần thông, một chút giới hạnh, rồi cho đó là tất cả, còn ngoài ra là rác. Họ quên mất lý tưởng giải thoát ban đầu. Nhớ nhé!

Cho nên ở đây vị tỳ kheo phải biết rõ trong đời sống của mình, khi mình tu giới, tu định, tu tuệ thì phải biết rõ cái nào là con đường dẫn đến thụt lùi, thoái đạo. Cái nào là

có sự can thiệp của tà tư duy. Cái nào là sự can thiệp của năm triền cái. Cái nào là có sự can thiệp của mười kiết sử, nói chung là phiền não cho nó dễ nhớ.

Thì đạo nghiệp nào còn dính líu, còn dây dưa, còn mắc mứu với phiền não, thì đạo nghiệp đó sớm muộn chỉ quẩn quanh trong chuyện thụt lùi mà thôi. Nhớ cái đó!

Thứ hai là vị đó biết rõ cái kiểu sống nào, kiểu hành động nào khiến mình bị thụt lùi, thối đạo. Biết kiểu sống nào, kiểu hành động nào khiến mình bị giậm chân tại chỗ. Chử piti đây là đứng yên, giậm chân tại chỗ.

Thứ ba là biết rõ cái nào, cách nào giúp mình tiến xa, vượt xa. Mà muốn tiến xa, vượt xa, phải quay trở lại biết rõ cái gì, cách nào làm cho mình thụt lùi. Có nghĩa là với sự can thiệp của phiền não, cái nào có sự can thiệp của thích, của ghét, của sự đầu tư sanh tử, của ý tưởng thích ghét, phiền não, thì chỉ khiến mình thụt lùi, là đúng.

Nhưng cái thứ hai là khi có lòng tâm đắc, đắm đuối, mê mải, vui đầu gục mặt trong quả chứng mình có, trong thành tựu đạo nghiệp mình có, thì như vậy vô tình mình lọt vô cái thứ hai này, tức là giậm chân tại chỗ, không đi xa được. Nhớ nhe.

Trường hợp này bị nhiều lắm, trong mấy người tu bị cái này nặng lắm. Cái loại một thì quá tệ mình không nói, cả đời chỉ biết cắm đầu trong bất thiện. Nhưng loại hai là tâm đắc, thỏa mãn, vừa ý với cái mình đang có, vậy thì không có đi xa.

Như vậy phải cần cái thứ ba là biết rõ cách nào để có thể vượt lên trên cao, tiến xa về phía trước. Đó là biết chán cái thấp, biết chê cái cũ, biết hướng tới cái cao, biết nghĩ tới cái xa.

Khi không chán được cái cũ, không thấy được cái gì là thấp, thì mình cả đời cứ đứng yên. Nhưng khi mà biết cái cũ, biết cái xưa giờ nó còn có cái hơn nữa, thì khi đó mình mới đi xa được. Khi biết có cái hơn nữa thì mình mới chán cái thấp để mà vươn lên cái cao. Còn nếu không có được khả năng nhận thức, cứ chìm mình, gục mặt

trong quả chứng hiện tại, dầu bất cứ thiện pháp, công đức, đạo nghiệp nào đi nữa, mà chỉ biết đó là tất cả, đó là cao nhất, thì thua.

Ba đặc điểm của vị Bồ tát

Có ba đặc điểm của vị Bồ tát, các vị còn nhớ không?

Một là luôn hướng tới cái tốt hơn.

Hai là khả năng buông bỏ của Bồ tát rất tốt.

Ba là Bồ tát biết vượt khỏi cái giới hạn cũ. Cái này mới khó. Giới hạn cũ là gì? Là hồi đó ở cái tầng đó, bây giờ phải ra khỏi cái tầng đó. Đó là giới hạn cũ. Bồ tát không bao giờ tự xây cái nhà ngục để giam hãm mình trong cái thành tựu nào hết.

Cuối cùng là Bồ tát không tự giam mình trong thế giới của tình cảm. Nghĩa là mình từ đó đến giờ mình chỉ biết có bản thân mình thôi, mấy chục kí lô này thôi. Xa hơn chút là mình chỉ biết có vợ, chồng, cha, mẹ, con mình, anh em quyến thuộc, bà con, bạn bè, láng giềng, đồng hương của mình, dân tộc của mình, chớ mình không có biết nghĩ xa. Còn Bồ tát thì không.

Bồ tát hội đủ ba đặc điểm: một là luôn hướng tới cái tốt hơn; hai là khả năng buông bỏ rất tốt; ba là không tự giam hãm mình trong bất cứ nhà ngục nào. Có nghĩa là Bồ tát có khả năng thương yêu muôn loài chúng sanh. Trái tim Bồ tát vượt khỏi biên giới phạm tình.

Mình đó giờ mình chỉ biết thương người của mình, người phe ta, người nội bộ, người trong nhà, người nội thuộc. Còn Bồ tát thì không có nội ngoại gì hết. Bồ tát gom chung hết muôn loài vũ trụ, nhất thiết chúng sanh trong hằng hà sa thế giới, đối với Bồ tát tất cả là một nhà, chớ không có trong ngoài, nội ngoại gì hết. Bồ tát không tự giam cầm mình trong bất cứ nhà ngục nào.

Chính vì hành trì các hạnh lành bằng tinh thần ấy, không giới hạn, không biên tế, không bờ mé, khi chứng quả rồi thì hạnh lành của Chánh Đẳng Giác là vô lượng vô biên. Trí tuệ của Chánh Đẳng Giác là không giới hạn. Hạnh lành của Chánh Đẳng Giác là không có hạn chế.

Bằng vị Chánh Đẳng Giác chỉ có chư Phật Chánh Đẳng Giác với nhau, chớ không hề có vị Phật nào hơn vị Phật nào. Chuyện đó không có. Nhớ nhe. Các vị đều bằng nhau là bởi vì các Ngài đã đạt mức vô lượng vô biên, không biên tế, không bờ mé, không giới hạn, không ranh giới, không giới tuyến, thì lấy cái gì mà hơn mà kém.

Khi chúng ta có hơn có kém là bởi vì chúng ta còn bị giới hạn, còn bị giam nhốt trong những cái rào, trong những giới tuyến, biên giới, những giới hạn, những lẫn ranh, lẫn mức.

Còn riêng vị đã đạt tới cảnh giới vô lượng, vô biên, không bờ mé, thì các vị đó không còn sự hơn kém, vì các vị giống hệt nhau mà. Nghe!

Ở đây, vị tỳ kheo mà thiếu sáu khả năng này thì không thể nào thành tựu bất cứ quả chứng nào.

Thứ nhất là không biết rằng mình đang thụt lùi.

Thứ hai là không biết rằng mình đang giậm chân tại chỗ.

Thứ ba là không biết bằng cách nào để vươn được lên trên cao, đi xa về phía trước.

Thứ tư là vị tỳ kheo không biết làm sao để biến tất cả Đạo nghiệp trở thành ra Đạo nghiệp giải thoát.

Đó là phần thể nhập nó như vậy. Tức là thấy được tánh sanh diệt, trong kinh ghi rõ như vậy. Tức là cái gì mình có nhiều lắm cũng chỉ là phương tiện. Tất cả những cái tốt, lành, thiện, hay ho nhất mà mình có đều là phương tiện giải thoát. Cái thứ hai là tất cả những gì mình có đều là khổ hết. Đó là cái rốt ráo nhất. Rồi trong số nguyên cái

núi khổ đó, cái nào nó là thiện thì nó cũng chỉ là phương tiện thôi. Không biết trong room có hiểu cái này không ta?

Vị tỷ kheo là người cầu giải thoát phải hiểu rõ hai chuyện:

Thứ nhất, tất cả những gì mình có đều là khổ. Trong cái đồng khổ ấy, cái nào là thiện thì nó cũng chỉ là phương tiện nhất thời mà thôi. Thí dụ như thấy rằng có mặt trong bệnh viện là khổ. Nhưng cũng hiểu thêm rằng thuốc men và kim chích là thứ mình phải chấp nhận.

Ở đây tôi nói cái này có nhiều vị chắc là có thể chửi nữa, hoặc là nhảy nhồm rớt khỏi ghế nè.

Vì mọi thứ hiện hữu đều là khổ, nên tâm tham và Bát Chánh Đạo cũng nằm trong biển khổ ấy. Nhưng khi trích xuất để nói chuyện thì Phật phải lấy riêng ra tâm tham ái để gọi nó là nhân sanh khổ, và Bát Chánh Đạo là con đường thoát khổ.

Nhiều người chịu không nổi chuyện này, cứ tưởng Khổ đế là riêng, không liên quan gì Tập đế hết, vì Tập đế là nguyên nhân sanh khổ, còn Bát Chánh Đạo là con đường thoát khổ. Nhưng vị ấy không hề biết rằng toàn bộ mọi hiện hữu ở đời là khổ. Dầu đó là sanh, già, đau, chết là khổ, đúng. Mắt, tai, mũi, lưỡi là khổ, đúng. Nhưng cái tâm tham, tâm sân của mình trong lục trần cũng là khổ. Và chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tư duy, tất cả đều nằm hết trong khổ. Nhưng sở dĩ Ngài trích xuất, Ngài lấy riêng ra nói là vì Ngài dựa trên cái công dụng.

Thí dụ bây giờ Ngài lấy tay chỉ riêng một đồng xoài, Ngài nói: “Xoài nè, đây là nguyên một đồng xoài.” Nhưng khi cần thiết thì Ngài nói trong đồng xoài ấy: “Cái hột xoài là các con có thể lấy ra trồng ra những trái xoài khác.” Trong room có hiểu không ta?

Bây giờ tôi nói bà con nghe. Nhiều người giận nói tại sao tôi nói nặng lời. Tôi không có lý do gì gây thù với quý vị hết, nhưng tôi nói quý vị không có hiểu, quý vị hiểu

không? Một là không biết rồi lấy cái đầu mình ra tưởng tượng. Hai là học giáo lý ba mớ nên quý vị không chịu nổi sự thật động trời này:

Thứ nhất, chính vì mọi thứ ở đời là khổ nên cả cái tâm tham nó cũng là khổ. Bát Chánh Đạo cũng là khổ. Nhưng sở dĩ Phật lấy riêng tâm tham ra, Phật nói: “Đây là Tập đế”, “Bát Chánh Đạo là Đạo đế”, là Ngài nói đến công dụng.

Cho nên ở đây bà con phải nhớ sự thật phũ phàng như sau: là mọi thứ ở đời là khổ, nhưng khi nói về function, nói về cái chức năng của từng vấn đề, từng pháp, thì Đức Thế Tôn Ngài lấy riêng tâm tham Ngài nói. Ngài nói là mọi thứ ở đời là khổ, nhưng trong đồng khổ ấy, thì riêng cái tâm tham nó vừa là khổ, nó vừa là nguyên nhân sanh khổ.

Rồi trong nguyên cái đồng khổ ấy có cả cái Bát Chánh Đạo trong đó, có cả chánh kiến, chánh tư duy... Vì sao? Là vì những cái này nó cũng nằm trong các tâm sở mà. Cái gì nó còn nằm trong danh, trong sắc, thì nó còn bị vô thường, vô ngã. Mà cái gì vô ngã, vô thường thì cái đó cũng là khổ đương nhiên.

Nhưng khi nói đến cái chức năng, function, Ngài nói: “Nè, tuy nguyên đồng này là khổ, nhưng khi con muốn thoát khổ, con phải moi cho ra bằng được tám cái này, con đi theo nó là con thoát khổ.”

Cũng giống như con đường ra rừng chính là con đường vào rừng. Và con đường vào rừng cũng chính là con đường ra rừng. Con té ở đâu thì con phải đứng lên ở đó. Chớ không thể nào con té ở Bến Tre mà con về Cai Lậy đứng lên là sao? Chưa hết. Con ăn đồ độc, con uống phải thuốc độc, con ăn cái gì thì con phải mửa ra cái đó. Con trúng độc chèo trôi nước mà con ói ra bánh canh là sao? Chuyện đó không có nhe. Có người đầu độc con, họ bỏ thuốc độc vô bánh xèo thì con phải ói cho ra bánh xèo đó. Chớ còn ói ra bánh canh có nghĩa là con phải ói tiếp. Nghe kịp không? Ói nữa. Con ói chừng nào nó ra được bánh xèo nó mới yên. Hiểu không ta?

Thì ở đây cũng vậy. Mọi thứ là khổ. Mình đam mê trong khổ, thì chính niềm đam mê ấy nó cũng là khổ luôn. Nhưng sở dĩ nó được gọi là con đường thoát khổ là vì nó có bản chất đối lập với dòng sanh tử mà xưa nay mình không nhận ra điều đó.

Chính vì ta không nhận ra nên ta chết ngay trong cái đồng thuốc. Trong room có nghe câu đó không ta? Các vị có nghe câu: “Người Việt chết trong đồng thuốc” không? Có nghĩa là người Nhật họ qua bên mình, họ thấy nhìn đâu cũng thuốc hết trơn, mà mình uống toàn thuốc Tây không. Trong khi đó thuốc Nam mình thì: “Phục được bất như thực được”, uống thuốc khi bệnh không bằng ăn thuốc lúc mạnh. Lúc bình thường mình ăn uống đàng hoàng, thông minh, khoa học một tí là mình đâu có bệnh.

Mấy ngày nay quý vị biết tôi bệnh. Tôi ở đất Thụy Sĩ, thuốc Tây một núi đây nè, mà tôi sợ lắm, uống nhiều hại gan, hại thận lắm nghe. Mà trong khi đó thuốc Nam tôi uống bồ công anh, từ lá cho tới rễ. Rồi bên đây cây nha đam không có. Tôi đi kiếm, kiếm lá lớn lá bé về tôi uống tống hết. Mỗi lần bên Mỹ về tôi đem theo, tôi uống. Còn không, bên đây tôi đi coi mấy tiệm có bán, tôi đem về tôi uống.

Tôi nói điều đó không phải lạc đề, mà muốn nói làm sao mình thấy được rằng ngay trong thức ăn thường nhật của mình, trong nguyên nhân gây bệnh, nếu mình khéo thì nó cũng có thuốc chữa bệnh trong đó. “Bệnh tùng khẩu nhập”, bệnh là do những thứ mình ăn vào. Nhưng thực ra trong cái đám những thứ mình ăn đó, nếu mình biết lựa lại, trong đó sẽ có những thứ chữa bệnh.

Cho nên: mọi thứ ở đời là khổ, nhưng trong đồng khổ ấy có cái là nguyên nhân sanh khổ, có cái là con đường thoát khổ.

Chính vì chúng ta không biết được như vậy cho nên chúng ta không biết là mình đang đi thụt lùi. Không biết là mình đang giậm chân tại chỗ.

Mình không biết cách nào để vươn lên cao, tiến về phía trước. Cái thứ tư là không biết cách nào để biến mọi đạo nghiệp đi vào lộ trình giải thoát.

5. Khả năng thứ năm là làm việc không chu toàn.

Không chu toàn trong đây có nghĩa là thiếu trước hụt sau. Cái cần sửa thì không sửa, cái cần thêm thì không biết thêm, cái cần bớt thì không biết bớt. Nghĩa là làm việc không có đúng mức, mà ngài Minh Châu dịch là không chu toàn.

6. Thứ sáu là làm việc không lợi ích.

Còn làm việc không lợi ích là sao? Trong Chú giải giải thích, nghĩa là mình muốn làm việc gì thì cũng phải biết quan tâm đến những điều kiện hỗ trợ cho cái công việc ấy. “Asappayakari ti na sappayakari, na upakarabhutadhammakari”. Bởi vì nếu không, mình muốn làm công việc đó mà mình không biết những điều kiện hỗ trợ, đôi khi mình lại chấp nhận những điều kiện đối lập, thì công việc đó muôn đời không xong. Thí dụ mình uống thuốc tiểu đường thì mình cũng phải biết kiêng ăn ngọt.

Cho nên cái thứ năm, làm việc chu toàn này là phải biết thêm cái gì cần thêm, phải biết cái gì cần bớt, cái gì cần chỉnh sửa. Riêng cái thứ sáu là biết cái gì cần thiết và không cần thiết.

Tôi nói không biết bao nhiêu lần, sự khác biệt rất lớn của người có tu và không tu ở chỗ: người không có tu chỉ biết cái gì mình thích thôi, chỉ quan tâm đến cái thích, thiện ác không quan tâm, chỉ thích là được. Nhưng người có tu hành lại khác. Người có tu hành không quan tâm đến cảm xúc thích ghét, mà chỉ quan tâm tới việc chuyện ấy có cần thiết không.

Một trong những cách thu gọn Phật Pháp tám muôn bốn ngàn pháp môn, thì trong nhiều cách, tôi gọi có một cách thu vào câu mà tôi vừa phát biểu, đó là: “Chuyện ấy có cần thiết không?”.

Đây là trong Kinh Dvedhavitakkasutta, Kinh Song Tâm, Trung Bộ, tức là đường lối suy tư, hai ngã rẽ tâm tư. Khi Ngài thành Phật rồi, Ngài kể lại: ngày xưa khi ta còn trong Khổ Hạnh Lâm thì ta suy tư thế này. Toàn bộ đời sống của mình nặng về tình

thần hơn đời sống vật chất. Cái mà ta quan tâm chính là cái tâm. Vật chất sao cũng được nhưng cái quan tâm là cái tâm.

Rồi, giờ làm gọn vấn đề. Có hai cách giải quyết vấn đề: một là mình rọi sáng những góc khuất, hai là mình chia nhỏ vấn đề ra để giải quyết. Trong room còn nhớ cái này không ta?

Thì ở đây Ngài cũng vậy. Chuyện đầu tiên là Ngài nói toàn bộ đạo nghiệp chỉ là giải quyết vấn đề tinh thần. Thì giải quyết bằng cách nào? Ngài mới chia nhỏ ra. Ngài nói ai cũng có ngã rẽ tâm tư hết.

Một là những suy tư nào có lợi cho đạo nghiệp giải thoát. Cái suy tư nào có hại cho đạo nghiệp giải thoát thì Ngài thấy. Có lợi là Chánh tư duy. Chánh tư duy là không có bất mãn các trần, không đam mê các trần. Ly dục tư duy, vô sân tư duy và bất hại tư duy. Bất hại tư duy là không có ý chống phá bất cứ người hay vật nào ở đời.

Thì Ngài suy nghĩ: hể cái nào là Chánh tư duy thì cái đó nó giúp ích cho đạo nghiệp. Còn cái nào đi ngược lại Chánh tư duy thì đó là Tà tư duy. Có nghĩa là còn đam mê, còn bất mãn, còn ý chống đối người và vật trên đời thì đó là Tà tư duy. Tự Ngài biết suy tư cái đó.

Cho nên toàn bộ đạo nghiệp của người tu hành, của người cầu giải thoát, chỉ gom gọn lại có một câu thôi, đó là một dấu hỏi, một dấu hỏi thôi. Đó là:

“Cái đó có cần thiết không?”

Mấy ngày nay mình suy nghĩ cái gì đó hoài, bây giờ mình tự hỏi mình: những cái mình đang bận tâm, đang nặng lòng, đang cực lòng ấy, nó có đáng để mình bận tâm hay không, nó có cần thiết không? Những cái mình ghét, mình thích cũng vậy. Những cái mình bận tâm để ghét, bận tâm để thích thì cũng phải được kết thúc bằng một dấu hỏi: cái thích ấy có cần thiết không, cái ghét ấy có cần thiết không? Câu nói mà mình muốn nói nó có cần thiết không? Không cần thiết thì đừng nói. Suy nghĩ không cần

thiết hãy bỏ qua. Và cái hành động, cái việc làm ấy có cần thiết cho mình, cho người, cho đời này, cho đời sau, cho đạo nghiệp giải thoát hay không? Nếu thấy là không thì hãy có can đảm chấm than xuống dòng.

Như vậy đời tu của chúng ta chỉ có hai dấu thôi. Một là dấu hỏi, hai là dấu chấm than. Trong room có nghe kịp không ta?

Toàn bộ đời tu chúng ta chỉ có hai dấu thôi:

Một là dấu hỏi. Hỏi cái gì? Cái này có cần thiết không?

Hai là dấu chấm than. Nghĩa là, “cần” thì chấm than. Còn “không” thì chấm than.

Toàn bộ đời tu của các vị sau buổi giảng này đóng lại, bà con chỉ mang hai cái dấu đó vào phòng, vào lòng để tu với nó, chiêm nghiệm nó, thẩm thía nó, tiêu hóa nó, gặm nhấm nó. Biến nó thành máu tủy thịt xương của mình.

Đời tu chỉ là hai dấu thôi. Dấu hỏi là: chuyện ấy có cần thiết không? Và dấu chấm than để xuống dòng, có nghĩa là không có dây dưa nữa. Dấu chấm than thứ nhất đó là “cần” thì “tiếp tục”. Còn “không cần” thì dẹp.

Đó là Dvedhavitakka, nghĩa là tu hành với ngã rẽ tâm tư, ngã ba lòng. Cho nên bây giờ người tu, thí dụ quý vị hỏi tôi logo của đạo Phật là gì. Tôi nói lá bồ đề, là y bát, là Bát Chánh Đạo. Giờ thêm cái logo nữa là các vị ra mua cái logo của xe Mercedes đem về treo. Ai hỏi thì trả lời: bởi vì tôi vừa nghe giảng bài Kinh Song Tầm!

Nghĩa là người tu nào cũng phải từng giờ từng phút đang đứng trước ngã ba lòng. Ngã ba lòng là lúc nào cũng đứng trước hai dấu hỏi: có cần thiết không? Lúc nào trong lòng mình cũng hỏi, tu bằng dấu hỏi, rồi tự mình giải quyết vấn đề bằng dấu chấm than.

Chính vì cuộc tu là đối diện với ngã ba lòng ấy nên logo của mình nên là logo của xe Mercedes. Ở đây ai còn nhớ logo của Mercedes không ta?

Như vậy vị tỳ kheo nào nắm được, có được sáu khả năng này thì mới có thể thành tựu các quả chứng, thành tựu đạo nghiệp đời tu mình.

Một là biết rõ mình đang thụt lùi hay không. Bằng cách nào mình đang thụt lùi. Tại sao mình bị thụt lùi.

Thứ hai là biết rõ có phải mình đang giậm chân tại chỗ hay không. Nói thật ra, nói thì thêm nhục, chớ đa phần mình hai cái đầu là đã không có rồi. Không hề biết rằng ta đang thụt lùi, tại sao ta bị thụt lùi. Đó là cái thứ nhất. Cái thứ hai là không hề biết rằng ta đang giậm chân tại chỗ, và tại sao ta lại giậm chân tại chỗ. Thì coi như ở đây nguyên cái room của mình toàn là cái thứ đó không. Trong sáu cái thì hai cái đầu này là mình dính nguyên con luôn, lọt nguyên con trong hố luôn, nghe.

Thứ ba là biết rõ bằng cách nào ta có thể vươn lên.

cao và tiến về phía trước.

Thứ tư là làm sao biến toàn bộ đạo nghiệp của chúng ta trở về với lộ trình giải thoát bằng cách nhận diện mọi thứ chỉ là sanh với diệt. Cái này là cái cao nhất. Dầu giữ giới, dầu bố thí, dầu hành thiền, dầu đặc định thì tất thấy chỉ là sanh với diệt. Luôn luôn thấy rằng mọi thứ ở đời đều là khổ. Kể cả lòng đam mê trong cái khổ cũng là khổ. Kể cả Bát chánh đạo, con đường thoát khổ, cũng nằm trong bể khổ ấy. Phải thấy như vậy đó thì mình mới biến tất thấy mọi nỗ lực của mình trở thành nguồn năng lượng giác ngộ, đưa tất cả trở về với lộ trình giác ngộ.

Cái thứ năm là khả năng làm việc chu toàn, là biết rõ cái gì cần thêm, cái gì cần bớt, cái gì cần chỉnh sửa.

Cái cuối cùng là biết rõ điều kiện nào hỗ trợ cho đạo nghiệp mình đang thực hiện. Tránh làm cái gì mà nó mang nội dung phương hại cho công việc mình đang thực hiện, cho công phu của mình. Các vị có nghe kịp không?

“Sappāya” là thuận lợi, thuận tiện. Trong Chú giải nói sappāya ở đây là upakāra, là helpful. Sappāya nghĩa thường dùng là comfortable, là nhẹ nhàng, tiện lợi, nhưng ở đây có nghĩa là helpful.

“Asappāyakārīti na sappāyakārī, na upakārabhūta dhammakārī.”

Trúng rồi, cảm ơn nhiều lắm! Bữa hôm hôm mà thị phi đổ ập tới, cố nói muốn buông cái room này. Trời ơi, tôi nói cố mà không làm thì... Hôm nay tôi kêu gọi ai trong room này mà có thể hỗ trợ cố, mà cố cũng không cần hỗ trợ, chớ bắt tôi mà giảng mà vừa post cái này lên thì chắc tôi chết. Ai mà thấy mình làm được việc của cô Giọt Mưa đó thì nên sẵn lòng chờ dùm, giúp tôi mai này. Lỡ mai này cố bỏ cuộc. Cái đó giúp cho nhiều người lắm chớ không phải cho mình không.

Như vậy là mình học xong bài kinh 71.

Bài kinh 72: Sức mạnh

Ở đây vị tỳ-kheo có được sáu khả năng này mới được tự tại. Trong bản tiếng Việt này là đạt được “sức mạnh thiền định”. Ở đây tôi dùng chữ mềm hơn là: có được sáu cái này thì vị ấy được tự tại trong thiền định.

Tự tại là sao? Trong Chú giải nói có hai loại thiền định: một là samayajhāna, là “thường trụ thiền”, và asamayajhāna, là “tạm trú thiền”.

Thường trụ thiền, hay có tên nữa là samayavihārī, thường trú thiền giả, nghĩa là trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh, muốn vô là vô, muốn ra là ra. Muốn vô thiền vô cái rết, muốn ra là ra cái rết, gọi là thường trụ.

Còn trường hợp thứ hai là asamayajhāna, tên nữa là asamayavihārī, tạm trú thiền giả. Giống như không có visa dài hạn nên mỗi lần ra vô rất là khó, đây gọi là tạm trú thiền giả.

Đây là lý do vì đâu có cái Đệ nhất thần thông. Các vị Đệ nhất thần thông trong tích tặc có thể sử dụng rất nhiều đề mục, và biến hiện vô số loại thần thông khác nhau. Có những loại thần thông phải được thực hiện bằng đề mục đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng, xanh, vàng, đỏ, trắng.

Nếu vị nào giỏi, có thể trong tích tặc “muốn”, “muốn”, chỉ “muốn” là được. Còn vị nào dờm quá thì phải nhập từng thứ, chun ra chun vô, chun ra chun vô, nó mệt lắm! Người ta nhập, người ta chỉ “muốn” là được. Còn mình phải chun, phải vạch rào chun qua, leo rào qua màu đỏ, rồi mới leo rào trở lại màu trắng, nó lâu lắm. Còn người ta chỉ ngồi yên, “muốn” là xong. Nhe!

Ở đây cũng vậy. Trong Kinh nói vị samayavihārī, trời nóng lạnh, bản thân bệnh hoạn, thời tiết, nhức răng, lòi ruột, lòi phèo, vẫn có thể muốn mà nhập định tỉnh bơ. Nhiều vị bị trọng bệnh, máu me tè le mà muốn nhập là nhập.

Có lần Đức Phật đến thăm ngài Assaji bị bệnh. Ngài hỏi:

“Assaji có thấy bớt được chút nào không?”

Ngài Assaji mới:

“Dạ, nếu hôm nay con có còn giữ được tầng thiền samatha nào đó thì con không có bị đau như thế này.”

Mặc dù Ngài là vị Thánh rồi, mà Ngài vẫn nói như vậy. Chú giải nói trước đây Ngài có đắc rồi nhưng Ngài không có giữ lại, không có duy trì tầng thiền Ngài đã đắc. Cho nên hiện giờ Ngài là người không có thiền.

Ngay trong giây phút này, nếu mà Ngài còn giữ được tầng thiền sơ, nhị, tam, tứ là Ngài nhập vô đó, coi như bệnh thì vẫn bệnh thôi. Không phải có nhập thiền là hết bệnh. Không phải vậy. Nhưng lúc bấy giờ đã phiêu diêu cõi ngoài, phiêu bổng thoát xác, xác nằm đó nhưng tâm đã an trụ vào cảnh thiền, mình không biết đau gì hết. Trường hợp đó gọi là thường trụ thiền giả, samayavihārī.

Còn hạng thứ hai, tạm trú thiền giả, *asamayavihārī*, có nghĩa là phải kiếm chỗ ngồi đàng hoàng, trong điều kiện thời tiết khí hậu ngon lành, thực phẩm, thầy bạn, liều cốc, y áo phải thoải mái, rộng rãi, mát mẻ, rồi ngồi từ từ mới vô, vô được từ từ. Hoặc là vô được thoải mái nhưng phải chậm. Còn vị *samayavihārī* thì cứ muốn là được, tự tại trong thiền, Ngài Minh Châu dịch là “được sức mạnh trong thiền”.

Bây giờ có sáu cái:

1. Không thiện xảo đạt được thiền định.

Ở đây là không thiện xảo đạt được thiền định có nghĩa là sao? Có nghĩa là vị đó đắc thiền do hên xui, chớ không phải là người lợi căn. Người lợi căn khi họ đối diện với đề mục, thí dụ đề mục hơi thở, đề mục màu, đề mục đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, họ biết rõ lộ trình, họ biết đang đi đến đâu, chớ không phải đắc thiền kiểu may rủi, họ đắc rất nhanh.

Còn vị này “không thiện xảo trong thiền định” nghĩa là, chữ “*avajana*” đây có nghĩa là “nhập”. Khi đắc thiền, nhập thiền hoặc khi hóa thông thì vị lợi căn họ muốn là được. Họ không phải bị chậm, không bị giới hạn như người độn căn.

Thí dụ như họ đang ở tâm bình thường, tâm dục giới, họ muốn nhập vào sơ thiền rất là dễ. Họ chỉ cần quay lại đề mục hôm trước họ đắc thì trong tích tắc họ bỏ được liền. Thí dụ như đang trong lúc sinh hoạt bình thường, vị đó xài tâm dục giới, vị đó muốn hóa hiện thần thông, vị đó nhập thiền, nhập vào Tứ thiền thì vị đó có thể hóa hiện thần thông như ý mình muốn. Như vậy đắc thiền, nhập thiền và hiện thông đều được như ý hết.

Còn vị kia chậm. Vị kia không được khả năng đó, mà muốn cái gì phải từ từ, từ từ.

Nói cách khác, mình giỏi nấu ăn, đêm hôm hai giờ sáng đang ngáy pho pho, có người dựng đầu dậy hỏi: “Làm sao để bánh xèo nó giòn?”, là mình đưa ra bao nhiêu cách, mà lúc đó mình ngáy ngủ mà mình trả lời rào rào, rào rào làm sao để bánh xèo nó

giòn. Rồi mình ngủ một giấc, nó dựng đầu dậy hỏi tiếp: “Làm sao cho bánh cuốn đừng dính với nhau?”, mình trả lời cái rẹt. Đó là người đầu bếp giỏi, chớ còn rờ rờ, rờ rờ là không được. Nhớ nhe!

Thì vị đó thông thuộc rồi thì họ muốn là được. Asamayavihārī là vậy.

2.

Thứ hai, thiện xảo an trú nghĩa là sao? Là vị đó có khả năng kéo dài như ý mình muốn, bao lâu cũng được.

Cái thứ ba là xuất khỏi, nghĩa là khả năng xuất thiền rất là nhanh.

Bài Kinh này học cho biết thôi, chớ ở đây trong room này không biết các vị có được cái cận định chưa nữa, đừng có nói cái khác nghe nhức đầu. Nhưng tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, một bài Kinh nói về một đề tài mà xem ra có vẻ quá cao so với cái đầu của mình, mình tưởng không cần thiết. Sai bét. Không phải như vậy!

Dầu cho bài Kinh đó nói về Thánh trí, nói về thần thông, nói về thiền định thì bài Kinh nào cũng có hai nghĩa. Một là nghĩa trực tiếp nội dung bài Kinh. Thứ hai là nghĩa liên quan, trong room có hiểu cái đó không ta?

Thí dụ bài Kinh hồi nãy nói về Lục thông thì mình thấy trên mặt nổi rõ ràng bài Kinh đó nói về Ngũ thông, cộng với thông thứ sáu là Trí La-hán. Nhưng nội dung thứ hai của bài Kinh đó là Ngài dạy rằng khi ta lìa bỏ được cảnh giới thấp để lên cảnh giới cao, thí dụ bỏ được Dục lên thiền Sắc, bỏ được thiền Sắc lên thiền Vô sắc, bỏ được cảnh giới phàm vào được Thánh trí, thì ở mỗi trình độ như vậy, thế giới hiển hiện ra trong mắt ta nó khác đi nhiều lắm. Khả năng lai vãng và nghe nhìn của ta sẽ khác đi nhiều lắm.

Thí dụ một nhóm mấy tỳ kheo huynh đệ đang ngồi thiền trong Tuyết Sơn thì ông sư huynh mới lên tiếng. Ông hỏi:

“Các sư đệ có thấy gì không?”

Thì vị trẻ nhất mới nói:

“Dạ đâu có gì đâu, thưa sư huynh.”

Ông thứ hai mới trả lời:

“Đệ thấy một vị Càn-thát-bà vừa đi ngang.”

Vị thứ ba trả lời:

“Đệ có nhìn thấy một khối năm uẩn vừa di chuyển.”

Thì vị sư huynh mới trả lời:

“Ở đây vị mà dùng trí tuệ quán có đồng ý với vị tu Chỉ, vị tu Chỉ có đồng ý với vị tu Quán hay không?”

Hai vị tỳ kheo mới trả lời:

“Chính vì đồng ý nên chúng ta mới cùng màu áo.”

Các vị còn nghe không ta? Tôi nói các vị một chuyện.

Có lần đó, ngài Mahā Cunda là em của ngài Xá Lợi Phất dạy chư tỳ kheo thế này:

“Này các tỳ kheo, cái ngày nào mà vị Pháp sư không chống đối vị Luật sư, và vị Luật sư không chống đối vị Thiền sư, vị Thiền sư không chống đối vị Pháp sư, vị Pháp sư không chống đối vị Thiền sư, thì ngày đó chư thiên và nhân loại còn được lợi lạc. Bởi vì mỗi vị còn được sở trường đóng góp cho chúng sinh khác nhau.”

Ở đây cũng vậy, khi sư huynh hỏi thì vị đầu tiên chưa có thành tựu gì hết, nói: “Sư đệ đâu có thấy gì đâu.” Mình để vị đó qua một bên. Nhưng bên Bắc tông nói ông đầu tiên này là Phú Lô Na, là ông chứng Tánh không. Nhưng bên Nam tông khi ông trả lời như vậy, mình phải hiểu ông không đắc gì hết.

Đến ông thứ hai nói: “Em vừa thấy một vị Càn-thát-bà ôm đàn đi ngang.”

Đến vị thứ ba nói: “Em vừa thấy khối năm uẩn vừa đi ngang.”

Thì vị đại sư huynh mới nói rằng vị tu Chỉ, mà thấy Càn-thát-bà đó, có đồng ý với vị thấy năm uẩn hay không? Còn vị thấy năm uẩn có đồng ý với vị thấy Càn-thát-bà hay không?

Thì hai vị trả lời câu rất là hay:

“Chính vì đồng ý nên chúng ta mới cùng màu áo.”

Bởi vì có học Phật Pháp rồi mình mới thấy, thấy Càn-thát-bà là thấy theo Thiền Chỉ. Còn thấy năm uẩn là thấy theo Thiền Quán. Chỉ là Định học, còn Quán là Tuệ học, không có chống đối nhau. Các vị nghe kịp không, nhớ cái đó!

Có nghĩa ở các vị thượng thừa là như vậy đó. Họ không lấy cái sở chứng, thành tựu của họ làm điều tâm đắc rồi phủ nhận cái của người khác.

Bài Kinh 72 này còn có nội dung thứ hai vậy đó. Có nghĩa là bất cứ một công đức, một thiện pháp gì, chuyện đầu tiên là ta phải biết rõ làm sao để ta thực hiện được nó, có thể tu tập nó. Thí dụ bố thí hay nghe Pháp, chuyện đầu tiên là mình phải thấy lợi ích trong đó để mình thực hiện, để mình trau dồi. Nhưng cái thứ hai là mình xét cái khả năng sống được trong thiện pháp đó bao lâu. Chớ nhiều khi mình cao hứng, mình nghe người khác rủ đi hành thiền, rủ đi làm từ thiện, mình cũng hăng lắm, nhưng mà mình làm được bao lâu.

Cái cuối cùng, trong Thiền, mình có khả năng xuất thiền. Ngoài cái đó ra, những công đức khác mình làm được, mình cầm lên được thì mình bỏ xuống được. Trong room có nghe kịp cái đó không? Mình cầm lên được thì mình bỏ xuống được. Bỏ đây không phải là liệng, không tu nữa. Mà bỏ đây có nghĩa là không chấp trong đó. Không coi cái đó là số một. Không thấy ta là hay nhất trong vũ trụ. Không thấy ta là giữ giới ngon lành nhất, thiền định ngon lành nhất, chánh niệm ngon lành nhất, kiến

thức ngon lành nhất, niềm tin ngon lành nhất, bố thí ngon lành nhất... Mình không có thấy như vậy. Mình làm được bao nhiêu thì làm. Ngày nào mình còn có so sánh là hơn, bằng, thua, kém thì ngày đó mình chưa khá được. Cứ làm thôi, chuyện so sánh là điều không cần thiết.

Cho nên ở nghĩa thứ nhất, bài Kinh này nói đến khả năng của người thiền giả, người chứng thiền đó. Họ phải biết rõ cách nào để chứng thiền, nhập thiền, hiện thông. Cái thứ hai, họ có khả năng tự tại trong chuyện kéo dài thời gian nhập thiền bao lâu như ý. Thứ ba là họ có khả năng xuất thiền như ý. Thứ tư là làm việc chu toàn. Thứ năm là không kiên trì. Không kiên trì là không liên tục.

Cái thứ tư là khả năng làm việc chu toàn.

Trong Kinh nói có ba trường hợp khiến cho thiền bị mất, trong room các vị còn nhớ không? Một là mạng chung. Hai là phiền não mãnh liệt. Ba là không trau dồi thường xuyên.

Một là mạng chung, nghĩa là mình chết thì thiền đó không còn nữa. Thí dụ tôi đắc Tam thiền đi, khi tôi chết tôi sanh về cõi Tam thiền, thì chuyện đầu tiên là tôi về đó tôi sống bằng tâm quả. Còn cái thân người nó không còn nữa. Cái thân người tôi đắc là nhân loại mà. Khi tôi chết thì những gì tôi làm trong thân nhân loại là bỏ.

Hai là phiền não mãnh liệt. Thí dụ Đề Bà Đạt Đa khi có lòng hại Phật, có lòng chia rẽ Tăng, có lòng làm giáo chủ là tự nhiên thiền mất. Hoặc như Bồ-tát có lúc Ngài đang bay, Ngài nhìn thấy bà hoàng hậu tắm thì bị đứt thiền, bị hoại thiền.

Trường hợp ba là không trau dồi thường xuyên. Như trường hợp ngài Assaji như hồi này tôi nói, hoặc trường hợp Bồ-tát Tất Đạt Đa lúc 7 tuổi đắc Sơ thiền xong rồi đâu biết gì đâu mà trau dồi, rồi để nó chìm lìm. Sau này 28 năm sau, trong rừng Khổ hạnh lâm Uruvela, Ngài nhớ lại hồi nhỏ: “Ồ, hồi nhỏ sao hay vậy ta, hay à, hồi nhỏ mình không biết gì mà tại sao có thể hít ra thở vào, rồi mình chỉ theo dõi nó có ba hơi là mình được một cảm giác rất đặc biệt.”

Tại sao hay vậy ta?

Tại sao Ngài không nhớ lại kinh nghiệm thiền định vừa rồi, cách đó mới có một hai năm? Trước khi Ngài khổ hạnh, Ngài đã đắc thiền Phi tưởng phi phi tưởng, mà tại sao Ngài không nhớ? Là vì sao? Là vì lúc đó Ngài tưởng lúc đó không có gì hay.

Nhưng cái Ngài nhớ là nhớ hồi nhỏ mới ghê. “Lúc đó mình không biết gì hết, chỉ hít ra thở vào có vài hơi là mình bèn được cảm giác rất là đặc biệt, rất an lạc, rất yên tĩnh. Tại sao vậy?”

Khi Ngài xét tới đó, lúc đó Ngài mới quay lại, mới trau giồi thiền định bằng hơi thở. Với sự trau giồi ấy, lập tức trong vòng nháy mắt Ngài đắc lên tới tầng Tứ thiền, Sắc và cả Vô sắc, Phi tưởng phi phi tưởng. Tức là Ngài dùng hơi thở đắc tới Tứ thiền Sắc giới thôi. Rồi từ nền Sắc giới ấy Ngài mới đắc thêm bốn tầng Vô sắc.

Nói chậm lại để không bà con hiểu lầm, nói ổng nói tu hơi thở mà đắc thiền Vô sắc là sai, không đúng nghe. Ngài đắc tới Tứ thiền, tức là Ngũ thiền Sắc giới. Xong rồi từ đó Ngài đắc luôn một lèo tới Phi tưởng phi phi tưởng. Cho nên trong giây phút Ngài thành Đạo, Ngài có trong người Ngài tới Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chớ không thấp đâu.

Trong đêm đó Ngài đã đạt tới đỉnh cao của Tam giới rồi. Tức là trong thời khắc đó, toàn bộ chúng sanh trong vô lượng vũ trụ, chúng sanh phàm phu thì cảnh giới cao nhất là Phi tưởng phi phi tưởng; thì Bồ-tát đêm ấy cũng đã tới cảnh giới khiếp như vậy. Dĩ nhiên đây là cảnh giới tâm linh, tinh thần.

Khi Ngài đắc được toàn bộ các tầng thiền, Ngài mới dùng Tứ thiền hơi thở, Ngài mới quán chiếu 12 Duyên khởi, lập tức Ngài đắc chứng hai minh đầu tiên. Ngài dành nguyên canh đầu tiên để quán xét: “Ồ, mình là kiếp xưa như vậy, như vậy. Và mình như thế nào thì tất cả chúng sanh khác cũng đều như vậy.” Cũng đều nghĩa là lên voi xuống chó, lúc siêu lúc đọa, lúc bốn đường dữ, lúc nhân thiên.

Tới canh hai, Ngài dùng Sanh tử mình, Ngài thấy rằng tất cả những sanh tử ấy đều do các nghiệp thiện ác mà ra.

Tới canh cuối, Ngài mới thấy rằng nhân sanh tử như vậy, quả sanh tử như vậy từ đâu mà ra? Từ vô minh mà ra. Từ vô minh trong Bốn Đế, vô minh ấy tạo ra hành, tức nghiệp thiện ác. Do nghiệp thiện ác nó mới tạo ra các tâm đầu thai. Do có tâm đầu thai mới có Danh sắc đầu đời. Từ đó mới có sáu căn, sáu xúc, sáu thọ, sáu ái. Từ sáu ái mới ra tứ thủ, hai hữu. Từ hai hữu mới ra sanh, lão, bệnh, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Trong nỗi khổ triền miên ấy, chúng sanh vật lộn tìm lối thoát. Loay hoay một lát, vì vẫn còn vô minh trong Bốn Đế, cho nên họ mới làm một vòng tròn mới: vì khổ quá mới tìm lối thoát, do vô minh trong Bốn Đế nên lối thoát họ chọn được chính là quây quần trong các nghiệp thiện ác. Giải tỏa vấn đề của mình bằng cách đầu tư các nghiệp thiện ác. Và đầu tư các nghiệp thiện ác lại tiếp tục tạo ra cái tâm đầu thai. Do có cái tâm đầu thai, tiếp tục có sáu căn, sáu xúc, sáu thọ, sáu ái, tứ thủ, hai hữu, và sanh, lão, bệnh, tử. Ngài thấy như vậy: “Ồ, thì ra thế giới này nó quẩn quanh trong đó.”

Như vậy, từ đề mục hơi thở, Ngài mới đắc được Túc mạng minh và Sanh tử minh. Khi quán chiếu hai cái này trong suốt hai canh đầu, tới canh thứ ba Ngài quán chiếu Duyên khởi và chứng quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong Kinh giải thích thêm là tại sao Ngài đắc một đêm như vậy, là tại vì Ngài giống một vị đại đế vậy. Tức là từ ngoài biên thùỵ vào tới hoàng cung không đi như người bình thường. Người bình thường chỉ cần một ba lô, một ghi đông nước, một ít tiền lẻ, một túi lương khô là xong. Ngài thì không. Ngài phải nghi trượng, cờ quạt, tiền hô hậu ủng. Xe Ngài đi đằng trước rồi bao nhiêu xe của tam cung lục viện, rồi tướng lãnh, nguyên soái, một đoàn quân đi đằng trước, một đoàn quân đi bên cạnh, một đoàn quân đi bọc hậu sau cùng. Chung quanh Ngài có mấy lớp vệ sĩ đi từ từ, từ từ, đi chặng nào thì có hành cung ở chặng ấy.

Trong room biết hành cung không ta? Hành cung là chỗ mấy ông vua đi đường xa ổng tập vô. Người thường thì có tràng đình, tiểu đình đó. Cứ mười dặm thì tiểu đình, trăm dặm thì tràng đình, là chỗ ghé chân nghỉ mệt đó.

Xưa Tùy Vạn Đế dời nhà Tùy bên Tàu, ổng mê Tô Châu, Hàng Châu quá, mà từ Nam Kinh xuống đó xa quá. Mà từ Nam Kinh đi Tô Châu, Hàng Châu bằng cách nào? Thế là ổng cho xây Đại Vận Hà dài 1.800 cây số. Đến hôm nay, Đại Vận Hà vẫn là công trình thủy lợi hàng đầu của thế giới. Vì vua muốn đi không mà rườm rà như vậy. Nhờ Đại Vận Hà mà các hoàng đế mới thoải mái đi trong đất Trung Hoa, chớ còn đi đường bộ sao nổi quý vị. Tôi không có nói lạc đề đâu quý vị. Tôi muốn nói là một ông vua đi nó lớn chuyện như vậy.

Khi vị hoàng đế đi đứng từ nơi này đến nơi khác, ngoài chuyện cờ quạt, nghi trượng, còn có các hành cung, binh lính, tướng lãnh tùm lum tà la, tam cung lục viện. Thì ở đây cũng vậy, một vị La-hán bình thường chỉ cần thấy lá rơi, nghe nước chảy, cảm nhận, ghi nhận được thiện niệm, ác niệm trong lòng, đặc cái rẹt lục thông, tam minh và bốn trí vô ngại.

Nhưng riêng Ngài thì không. Ngài là một vị hoàng đế, một vị Pháp Vương mà. Cứ từ từ, từ từ như vậy. Nên khi vào lúc rạng đông, lúc Trí Tứ quả Ngài vừa xuất hiện một phát thì coi như sáu cái Như Lai Biệt trí và 10 Như Lai Lực.

Như Lai Biệt trí là Đại bi trí, chúng sanh căn thượng hạ lực, chúng sanh khuynh hướng thiện ác lực, biết rõ khuynh hướng thiện ác của chúng sanh, rồi Trí Đại bi, Trí Song thông, Trí Vô ngại, tất cả sáu trí cùng lúc có mặt ngay lúc đó. Khiếp như vậy!

Ở đây mình học sáu cái trí này thì có hai bài học:

Một là học về khả năng cần có của một người tự tại trong thiên định mình đã chứng.

Thứ hai là trong tất cả các công đức mình cũng phải có khả năng tương tự như vậy. Có khả năng trau dồi thiện pháp. Có khả năng cầm lên và bỏ xuống, không có đắm

đuổi, mê mải trong đó. Ba cái còn lại nữa là làm việc một cách chu toàn, nghiêm túc.

Năm, không kiên trì, là không liên tục.

Sáu, biết quan tâm đến những điều kiện hỗ trợ.

Làm việc một cách kiên trì và luôn luôn quan tâm những điều kiện hỗ trợ. Làm công đức nào cũng phải vậy. Muốn tu thiền là cũng phải quan tâm những điều kiện hỗ trợ cho chuyện tu thiền. Chớ không phải tự nhiên xách ba lô vọt cái ào tới thiền viện, không phải đâu.

Mình phải quan tâm đến những điều kiện là sao? Trước khi đi, làm ơn nhớ khám bệnh nếu xưa giờ mình có vấn đề về sức khỏe. Nếu xưa giờ có vấn đề sức khỏe thì làm ơn đi khám bệnh trước khi qua Miến Điện.

Hỏi trước một tiếng: “Tôi đi được không?” Bác sĩ nói: “Được.” Rồi còn không mà bác sĩ nói cần vô 8 chai nước biển cũng nằm đó cho ổng vô. Rồi đem theo thuốc gan, thuốc mật, thuốc bao tử, tăng xông, cao máu gì đó thì phải đem theo. Rồi ổng dặn qua bên ăn uống sao, mình phải có chuẩn bị.

Phải biết quan tâm những điều kiện hỗ trợ cho công việc của mình thì mình mới có thể hoàn thành công việc một cách tốt đẹp. Nghe! Điều kiện cuối cùng rất quan trọng: quan tâm đến những điều kiện hỗ trợ. Muốn đi đâu làm gì cũng vậy. Các vị muốn xuống bếp, các vị cũng phải coi dao, thớt, nồi, chảo ok; dầu, đường, mắm, muối, tiêu, tỏi, hành, họ phải ok thì mới nhào vô bếp được.

Bi kịch của người nói trước đám đông là đứng trước đám đông mà không có đề tài. Bi kịch của người đầu bếp là xuống bếp mà không có đồ dùng. Bi kịch của hành giả là không biết quan tâm những điều kiện hỗ trợ cho công phu của mình. Cuối cùng, bi kịch của một khách trầm luân trong cõi sanh tử đó là trên giường hấp hối, không biết mình sẽ đi đâu về đâu. Và ngó lại thì cái tư lương mang theo trên đường hoàn toàn không có!

Mình vừa học xong bài Kinh số 72. Bây giờ mình còn 10 phút cho bài Kinh 73.

Bài Kinh 73 - Thiền

Trong Kinh 73, người muốn chứng thiền phải lìa được năm triền cái, là thấy được tai hại của dục lạc.

Tại sao ở đây mình thấy trong năm triền cái đầu tiên là tham dục, mà tới cái thứ sáu Đức Phật Ngài lại kể riêng là thấy được nguy hiểm trong các dục, là vì sao?

Là bởi vì trong một khoảnh khắc nào đó chúng ta có thể ly dục. Trong một khoảnh khắc nào đó chúng ta có thể không thích gì hết, thì ngay trong khoảnh khắc đó chúng ta có thể chứng thiền. Chẳng hạn mình thấy Bồ tát Tất Đạt, ngài không biết dục là gì, không biết ly dục là gì, nhưng trong khoảnh khắc của năm Ngài lên 7 tuổi, khoảnh khắc ngủ, miễn dục ái vắng mặt thì Bồ tát có thể chứng Sơ thiền.

Nhưng lúc đó Bồ tát không có khả năng thứ sáu này. Có nghĩa là Ngài không thấy được cái nguy hiểm trong các dục. Đây là lý do vì đâu đã lìa năm triền cái mà Đức Thế Tôn kể luôn cái thứ sáu. Là bởi vì thái tử Tất Đạt rõ ràng là trong một tích tắc đã là người ly dục, cho nên mới chứng được Sơ thiền chứ. Nhưng Bồ tát Tất Đạt chỉ đạt được năm cái đầu tiên thôi, tức là sự vắng mặt tạm thời của năm triền cái. Nếu đủ duyên và tu đúng thì trong tích tắc có thể chứng được Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền. Nhưng không có cái thứ sáu thì quả chứng ấy không bền.

Là vì có rất nhiều những người đắc thiền xong rồi quay trở lại đời sống thế tục và không có thể trở lại với thiền định được nữa. Con số này đông hơn quân Nguyên, chứ không phải là như mà là đông hơn quân Nguyên. Có nghĩa là có vô số người trong cuộc đời này, trong đời sống họ đã từng đắc thiền, đắc Sơ thiền mà họ không biết. Kể cả họ không biết Phật Pháp. Chẳng hạn những vị đạo sĩ chẳng hạn. Có rất nhiều người trong hàng Phật tử mình, tôi nghĩ rằng, thời nay tôi không biết, chứ theo mô tả trong Kinh thì thời Đức Phật người đắc Sơ thiền mà đắc trong tích tắc nhiều như quân Nguyên. Là vì sao? Vì thấy thái tử Tất Đạt 7 tuổi biết cái gì mà còn đắc Sơ thiền mà.

Có một điều là do họ không biết. Thứ nhất là họ không biết cảm giác đó là cái gì. Nếu có học Đạo, có thầy kèm cặp thì biết. Còn không, chính Ngài, Ngài biết lúc đó là cảm giác rất an lạc. Nếu mình là người huệ căn thì mai này mình có thể quay lại với cảm giác đó bằng cách là thực hiện những thao tác cũ. Thí dụ như hơi thở. Bữa hôm làm sao mình được cảm giác đó ta? Ngồi yên. Rồi gì nữa? Biết rõ hơi thở ra, biết rõ hơi thở vào. Với sự tập trung ấy, năm triền cái vắng mặt, thời gian lâu mau tùy người thì tâm Sơ thiền xuất hiện. Lúc đó họ không biết đó là tâm Sơ thiền. Họ chỉ biết đó là cảm giác an lạc và thanh tịnh.

Nếu họ muốn cảm giác đó quá thì họ phải quay lại với thao tác cũ, ngồi yên lại theo dõi hơi thở, ra biết là ra, vào biết là vào. Với sự tập trung ấy, năm triền cái vắng mặt và nếu đủ duyên thì tâm Sơ thiền xuất hiện. Họ chỉ biết tới đó thôi.

Nhưng cái vụ thứ sáu này thì không phải ai cũng có. Đó là thực sự biết chán sợ trong năm dục. Tôi nhắc lại, bài Kinh này rất là sâu. Sâu ở chỗ anh muốn thực hiện cái gì, chỉ cần anh làm đúng kỹ thuật thì anh sẽ làm được. Có một điều là anh cần đến một nền tảng nhận thức, một nền tảng kiến thức để mà hỗ trợ cho công việc ấy.

Tôi nói lại lần nữa, bất cứ việc gì nếu anh áp dụng đúng kỹ thuật thì anh sẽ thực hiện được. Nhưng để đạt được sự lâu bền thì anh cần đến khả năng nhận thức rất là vững vàng. Trong room có hiểu cái đó không ta? Có nhiều chuyện trên đời này đôi khi chúng ta thực hiện được bằng sự ngẫu nhiên. Nhưng nếu muốn quay trở lại với sự thành tựu ấy, và kéo dài nó, biến nó thành sở hữu của mình thì không còn là vấn đề ngẫu nhiên, không còn là vấn đề may mắn mà phải là tuân thủ chặt chẽ cái kỹ thuật.

Cho nên năm cái đầu có thể chỉ là sự may mắn. Nhưng riêng cái thứ sáu này bắt buộc phải có thông qua sự chuẩn bị, thông qua một sự đầu tư nghiêm túc. Đây chính là vì sao ở đây, bên cạnh việc lìa bỏ năm triền cái thì Thế Tôn lại kể thêm điều thứ sáu là vậy đó quý vị, nghe!

Tôi nhắc lại, Bồ tát Tất Đạt rõ ràng trong một khoảnh khắc ngăn ngui nào đó Ngài đã năm triền cái và ba la mật của Ngài nhiều như biển, như núi, như trời cao đất rộng. Cho nên tích tắc là Ngài có ngay Sơ thiền, nhưng ngay lúc đó Ngài không có được cái thứ sáu, Ngài không biết chán sợ trong các dục. Tôi nói lại lần nữa, đặc điểm của một vị Bồ tát là:

1. Luôn luôn hướng tới cái tốt hơn.
2. Thứ hai là khả năng buông bỏ rất giỏi.
3. Thứ ba là không tự giam nhốt mình trong bất cứ nhà ngục nào, cho dầu đó là một thành tựu lớn bé. Cho dầu đó là niềm đam mê thế nào đi nữa.

Nếu hôm nay những người nào nghe giảng trong room này, bài Pháp này chỉ cần ghi ba đặc điểm Bồ tát là cũng có thể tu được một đời, tu được muôn kiếp, chỉ bằng ba cái này.

Một là Bồ tát luôn hướng tới cái cao hơn. Hai là Bồ tát có khả năng buông bỏ rất giỏi. Ba là không tự giam nhốt mình trong bất cứ nhà ngục nào. Từ đó Bồ tát có thể thực hiện vô số hạnh lành. Đặc biệt về mặt tình cảm, Bồ tát không tự giam nhốt mình trong cái gọi là tình thân. Đối với Bồ tát, muôn loài vạn loại chúng sinh thấy đều là người một nhà. Về trí tuệ, Bồ tát không ngừng tìm tòi trong Văn - Tư - Tu. Về tình cảm

Bồ tát không bị giới hạn bởi những biên giới, những giới tuyến, những rào cản. Bồ tát thương hết muôn loài.

Còn mình thì sao? Mình nói cho đã, nhưng rồi cuối cùng cái thương của mình nó chỉ là “ái” thôi, chớ đừng nói “từ”. Mà đã nói ái là thương yêu có điều kiện và trong giới hạn, gọi là ái.

Còn từ bi thì không. Từ bi đúng nghĩa là không cần điều kiện và không có ranh giới, thì cái tâm ấy mới được gọi là Vô lượng tâm. Chớ còn thứ tâm từ mà chỉ rải riêng cho

người nhà, cho nội bộ, cái đó chưa được gọi là Vô lượng tâm, mà coi chừng nó mới chỉ ở mức tham ái.

Trong khi đó, từ tâm là không cần điều kiện và không có biên giới. Còn tham ái là yêu thương có điều kiện và bị giam nhốt trong biên giới.

Bây giờ đúng là 4 giờ rồi. Chúc các vị một ngày vui, ngày mai chúng ta gặp lại nhau.
Bye bye./.